

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 10 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
TỈNH THANH HÓA**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng, từ ngày 13-20/9 trên các sông đã xảy ra 1 đợt lũ với biên độ lũ lên phổ biến từ 3.0 – 7.0m, riêng trên sông Mã tại trạm TV Lý Nhân là 7.93m, trên sông Bưởi từ 10.2 – 10.5m. Mức nước đỉnh lũ trên các sông phổ biến ở mức trên BĐ2 đến trên BĐ3; hạ lưu sông Mã tại trạm TV Lý Nhân ở trên mức BĐ1, trên sông Chu tại TV Xuân Khánh còn ở dưới mức BĐ1. Mức nước đỉnh lũ trên các sông cụ thể như sau:

Trên sông Mã tại trạm TV Hồi Xuân là 60.52m (12h/16/9) dưới BĐ2 là 1.48m; tại trạm TV Cẩm Thủy là 19.47m (19h/16/9) trên BĐ2 là 0.47m; tại trạm TV Lý Nhân là 10.82m (15h/17/9) dưới BĐ2 là 0.18m; tại trạm TV Giàng là 5.53m (15h/17/9) trên BĐ2 là 0.03m.

Trên sông Bưởi tại trạm TV Thạch Quảng là 17.28m (16h/17/9) trên BĐ3 là 1.28m, tại trạm TV Kim Tân là 13.84m (02h/18/9) trên BĐ3 là 1.84m.

Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là 31.20m (13h/16/9) trên BĐ3 là 0.20m; tại trạm TV Bái Thượng là 17.59m (16h/16/9) dưới BĐ3 là 0.41m; tại trạm TV Xuân Khánh là 8.52m (22h/16/9) dưới BĐ1 là 0.48m. Trên sông Âm tại trạm TV Lang Chánh là 51.84m (14h/16/9) trên BĐ3 là 0.34m.

Trên sông Lèn tại trạm TV Lèn là 5.72m (19h/17/9) dưới BĐ3 là 0.28m; tại trạm TV Cự Thôn là 4.74m (19h/17/9) trên BĐ3 là 1.24m.

Trên sông Yên tại trạm TV Chuối là 4.32m (12h/17/9) trên BĐ3 là 0.82m.

Trên sông Cầu Chày trạm TV Xuân Vinh là 10.79m (22h/17/9) trên BĐ3 là 0.79m.

Mức nước trung bình tháng phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ, riêng trên sông Mã tại TV Lý Nhân, trên sông Chu tại TV Xuân Khánh ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng trên sông Mã tại trạm TV Mường Lát là $494\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 11.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2025 là 5.0%; tại trạm TV Cẩm Thủy là $1030\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 36.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2025 là 11.0%. Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là $102\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 29.0%, thấp hơn cùng kỳ năm 2025 là 71.0%.

Tình hình hồ chứa:

Mức nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/01/10 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 153.92m, thấp hơn so với MNDBT là 6.08m, đạt 79.5% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 110.02m, cao hơn MNDBT là 0.02m, đạt 100.3% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hòa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 236.61m, thấp hơn so với MNDBT là 3.39m, đạt 88.0% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 34.16m, cao hơn MNDBT là 1.16m, đạt 114.8% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 18.90m, thấp hơn MNDBT là 1.46m, đạt 107.9% so với dung tích được tích.

2. Dự báo, cảnh báo

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi): Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mức nước lớn nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ đầu tháng, mức nước nhỏ nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng, mức nước trung bình tháng tại các trạm hạ lưu sông Mã, sông Chu ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mức nước lớn nhất và nhỏ nhất có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng; nước trung bình tháng ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng mưa lớn cục bộ có thể gây lũ quét trên các sông suối nhỏ, sạt lở đất trên sườn dốc và ngập úng khu vực trũng thấp, các khu đô thị.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Lũ quét, sạt lở, sụt lún đất có thể gây tác động rất xấu đến môi trường, uy hiếp tính mạng, tài sản của người dân; phá hủy các công trình dân sinh, kinh tế, gây thiệt hại cho các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế-xã hội, gây tắc nghẽn giao thông cục bộ, làm ảnh hưởng tới quá trình di chuyển của các phương tiện.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 01/11/2026

Tin phát lúc: 15h55 ngày 01/10/2026

Dự báo viên: Nguyễn Danh Lam

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

Phụ lục 1: Bảng đặc trưng mực nước thực đo và dự báo các trạm tháng 10/2026**Đơn vị: cm**

Sông	Trạm	Thực đo tháng trước			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			11 ngày cuối			Đặc trưng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16654	16853	16577	16620	16690	16550	16600	16670	16530	16580	16650	16500	16600	16690	16500
Mã	Hồi Xuân	5594	6052	5407	5540	5600	5400	5520	5580	5380	5500	5550	5360	5520	5600	5360
Mã	Cắm Thủy	1403	1947	1236	1350	1400	1220	1330	1380	1210	1300	1350	1200	1327	1400	1200
Mã	Lý Nhân	485	1082	289	370	450	280	350	430	260	320	400	240	347	450	240
Mã	Giàng	158	553	-49	70	195	-40	85	170	-20	60	220	-50	72	220	-50
Mã	Quảng Châu	51	195	-108	20	160	-105	35	140	-85	10	175	-115	22	175	-115
Lèn	Lèn	204	572	4	120	235	5	135	210	25	110	250	-10	122	250	-10
Lèn	Cụ Thôn	171	474	-17	100	220	-15	115	200	5	90	240	-25	102	240	-25
Âm	Lang Chánh	4764	5184	4703	4740	4785	4720	4730	4770	4710	4720	4750	4700	4730	4785	4700
Chu	Cửa Đạt	2781	3120	2726	2760	2800	2730	2750	2780	2710	2740	2750	2690	2750	2800	2690
Chu	Bãi Thượng	1224	1759	1090	1180	1250	1140	1170	1220	1120	1160	1200	1100	1170	1250	1100
Chu	Xuân Khánh	317	852	157	260	320	180	240	310	170	220	300	160	240	320	160
Buổi	Thạch Quảng	947	1728	699	800	930	720	780	900	700	760	870	680	780	930	680
Buổi	Kim Tân	632	1384	331	440	550	360	420	520	330	400	500	300	420	550	300
Yên	Chuối	137	432	-16	60	120	-15	75	100	5	50	135	-25	62	135	-25
Yên	Ngọc Trà	50	160	-101	30	135	-80	45	110	-60	20	150	-90	32	150	-90

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



